

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2025/HS-ST
Ngày 28-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn C, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện A (nay là Tổ dân phố T, phường L, quận A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Duy C và bà Nguyễn Thị M (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 chuyển tạm giam ngày 06 tháng 12 năm 2024; có mặt.

2. Nguyễn Viết K, sinh ngày 31 tháng 8 năm 2001 tại Nghệ An. Nơi đăng ký thường trú: Thôn V, xã V, huyện A, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện A (nay là tổ dân phố N, phường A, quận A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết G và bà Trần Thị T; chưa có

vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 chuyển tạm giam ngày 06 tháng 12 năm 2024; có mặt.

3. Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2005 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện T (nay là thôn 5 P, xã L, thành phố T), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Thanh M; chưa có chồng, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06 tháng 12 năm 2024; có mặt.

4. Trần Đình H, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1993 tại Thái Bình. Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện A (nay là Tổ dân phố Đ, phường H, quận A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; nhân thân: Bản án số 27/2013/HSST ngày 05/3/2013, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản; Bản án số 91/2013/HSST ngày 14/6/2013, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp với Bản án số 27/2013/HSST ngày 05/3/2013, buộc chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù(đã được xóa án tích); tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 chuyển tạm giam ngày 06 tháng 12 năm 2024; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Trà M:* Bà Lã Thùy Dương – Luật sư Văn Phòng luật sư Vương Thuận Khang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/12/2024, tổ Công tác Công an xã Q, huyện A kiểm tra phòng thuê trọ của Nguyễn Viết K ở thôn N, xã Q, huyện A phát hiện Nguyễn Viết K, Nguyễn Thị Trà M có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 coóng thủy tinh dài 12cm (mẫu KT01); 01 chai nhựa chứa khoảng 01ml nước, nắp đậy 02 lỗ, trong đó 01 lỗ có gắn ống hút (mẫu KT02) trong nhà vệ sinh; 01 túi nilon màu trắng, kích thước 02x02cm, bên trong có chất bám dính (mẫu KT03) trên nền của phòng trọ; 01 bật lửa. K, M khai các vật chứng thu giữ là của K đã được K, M, Vũ Văn C, Trần Đình H và 01 đối tượng tên Cún (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng trọ của K, M vào ngày 30/11/2024. Cơ quan C an đã lập biên kiểm tra vụ việc, niêm phong vật chứng và trưng cầu giám định.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Văn C và Trần Đình H, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật liên quan đến ma túy.

Kết luận giám định số 1341/KL-KTHS ngày 05/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự C an thành phố Hải Phòng, kết luận: Coóng thủy tinh của mẫu KT01 và vỏ túi nilon của mẫu KT03 đều tìm thấy dấu vết chất ma túy loại Methamphetamine, không đủ cơ sở xác định hàm lượng, khối lượng chất ma túy ở dạng vết; Chai nhựa chứa chất lỏng và đoạn ống nhựa của mẫu KT02 tìm thấy dấu vết chất ma túy loại Methamphetamine, không đủ cơ sở xác định hàm lượng, khối lượng chất ma túy ở dạng vết, tổng thể tích chất lỏng trong chai là 1ml; Các mẫu nước tiểu ghi tên các đối tượng Nguyễn Viết K, Nguyễn Thị Trà M, Vũ Văn C, Trần Đình H gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị can khai nhận: Khoảng tháng 9 năm 2024, Nguyễn Viết K và Nguyễn Thị Trà M cùng thuê chung phòng trọ ở thôn N, xã Q, huyện A. Trong thời gian cùng chung sống, K và M đã nhiều lần cùng Vũ Văn C, Trần Đình H sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 30/11/2024, K và M đang ở phòng trọ thì Vũ Văn C, Trần Đình H đến chơi. C bảo K lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của K để cho C, H, K, M cùng sử dụng ma túy, C đưa cho H 01 túi ma túy đá để H đổ vào coóng, rồi H châm lửa cho C, K, H hút ma túy vào người. Sau đó M từ phòng vệ sinh đi ra, K hỏi M có sử dụng ma túy cùng không, M đồng ý, K châm lửa cho M sử dụng 01 khói thì hết số ma túy trong coóng. Sau khi cả nhóm sử dụng ma túy xong, C cất bộ sử dụng ma túy dưới gầm giường phòng trọ, rồi điều khiển xe mô tô chở H đi về.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 30/11/2024, khi K, M đang ăn cơm tại phòng trọ thì C, H đến để cùng K, M sử dụng ma túy. C lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra rồi lấy từ trong người 01 túi ma túy đá đưa cho H đổ vào coóng. H tiếp tục châm lửa cho C, K lần lượt sử dụng mỗi người 01 khói ma túy, K châm lửa cho M sử dụng 02 khói ma túy. Sau đó, C, K, H tự châm lửa sử dụng mỗi người 01-02 khói đến khi hết số ma túy trong coóng.

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 30/11/2024, C điều khiển xe đến khu C nghiệp T, xã L thì gặp bạn tên C (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Biết C đang trên đường đến nhà K để sử dụng ma túy, Cún đã hỏi góp cho C số tiền 200.000 đồng để được sử dụng ma túy cùng, C đồng ý rồi chở Cún về phòng trọ của K. Lúc này, tại phòng trọ có H và M đang ở trong phòng, bộ dụng cụ vẫn ở dưới nền nhà, C đưa cho C 01 gói ma túy đá để C đổ vào trong coóng, rồi Cún châm lửa cho C, C sử dụng, H, M tự châm lửa hút mỗi người 01 khói ma túy. Sau đó, C cầm theo coóng bên trong còn ma túy, H, C lần lượt đi về.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, K về phòng trọ, do không thấy cóong sử dụng ma túy, nên K gọi điện cho C hỏi có cầm cóong và còn ma túy không, C trả lời là “Còn” thì K đã đi đến phòng trọ của C ở thôn Trạm Bạc, xã L, huyện A để lấy cóong (bên trong vẫn còn ma túy), mang về phòng trọ lắp vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy và châm lửa để K, M lần lượt sử dụng mỗi người 01 khối ma túy. Sau khi sử dụng xong, K rửa cóong và để trong nhà vệ sinh của phòng trọ. Đến khoảng 02 giờ ngày 01/12/2024, thì bị lực lượng C an kiểm tra, thu giữ vật chứng như nêu trên.

Về nguồn gốc của 03 túi ma túy K, M, C, H, Cún cùng nhau sử dụng, C khai là của C mua của 01 người phụ nữ không quen biết với giá 500.000 đồng vào khoảng 12 giờ ngày 30/11/2024, tại khu vực khu C nghiệp A, mục đích mua để sử dụng cho bản thân.

Cáo trạng số 104/CT-VKSAD ngày 08/5/2025, Viện Kiểm sát nhân dân quận A đã truy tố các bị cáo Vũ Văn C, Nguyễn Viết K, Trần Đình H, Nguyễn Thị Trà M về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, (thêm điểm n đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà M) khoản 1, (thêm khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Viết K) Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Vũ Văn C mức án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù; Bị cáo Nguyễn Viết K mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù; bị cáo Trần Đình H mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù; bị cáo Nguyễn Thị Trà M mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù đều về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp giấy dán kín các mép, bên trong có chứa các mẫu KT01, KT02, KT03 hoàn lại sau khi xử lý giám định được niêm phong lại, dấu niêm phong số: 1341MT/PC09 và chữ ký của những người có liên quan; 01 bật lửa gas màu xanh;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Trà M có quan điểm: Không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện Kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Nguyễn Thị Trà M có vai trò thứ yếu trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; khi phạm tội bị cáo đang mang thai; hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề xuất của Kiểm sát viên, cụ thể là mức 07 năm 06 tháng tù, cũng đủ tính răn đe, phòng ngừa chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận A và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay KH nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 30/11/2024, tại phòng trọ của Nguyễn Viết K và Nguyễn Thị Trà M tại thôn Nhu Kiều, xã Quốc Tuấn, huyện A (nay là tổ dân phố Nhu Kiều, phường Hải An, quận A), thành phố Hải Phòng, Nguyễn Viết K, Nguyễn Thị Trà M, Vũ Văn C, Trần Đình H và Cún đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, C là người chuẩn bị ma túy, H là người đổ ma túy vào coóng và châm lửa cho mọi người sử dụng ma túy; K chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; M và K sử dụng nơi ở của mình để các bị cáo sử dụng ma túy.

Hành vi của các bị cáo Vũ Văn C, Nguyễn Viết K, Trần Đình H, Nguyễn Thị Trà M đã đủ yếu tố cấu thành đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về khung hình phạt*: Trong ngày 30/11/2024, Nguyễn Viết K, Nguyễn Thị Trà M, Vũ Văn C, Trần Đình H đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần cho từ 02 người trở lên nên các bị cáo Nguyễn Viết K, Nguyễn Thị Trà M, Vũ Văn C, Trần Đình H phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a (phạm tội 02 lần trở lên), điểm b (đối với 02 người trở lên) khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đối với các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trị an ở địa phương và là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo Nguyễn Thị Trà M phạm tội khi bị cáo đang mang thai nên bị cáo M còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo K có người thân trong gia đình có C với cách mạng nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vai trò và hình phạt của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nên căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

Bị cáo Vũ Văn C khởi xướng, chuẩn bị ma túy cho mọi người sử dụng nên có vai trò cao nhất. Bị cáo Nguyễn Viết K tích cực thực hiện hành vi phạm tội (chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy) nên có vai trò thấp hơn bị cáo C. Bị cáo Nguyễn Thị Trà M cung cấp địa điểm sử dụng ma túy, bị cáo Trần Đình H đổ ma túy vào coóng, châm lửa cho mọi người sử dụng ma túy nên có vai trò thấp hơn bị cáo K. Tuy nhiên, cũng xét bị cáo H nhân thân đã có 02 tiền án (đã được xóa án tích) nên mức hình phạt của bị cáo K và H là ngang nhau và cao hơn bị cáo M.

Xét, nhân thân các bị cáo C, K, M chưa có tiền án, tiền sự; nhân thân bị cáo H có 02 tiền án đã được xóa án tích. Lần phạm tội này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo C, H có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo K, M có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xét xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc trên mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) hộp giấy dán kín các mép, bên trong có chứa các mẫu KT01, KT02, KT03 hoàn lại sau khi xử lý giám định được niêm phong lại, dấu niêm phong số: 1341MT/PC09 và chữ ký của những người có liên quan; 01 bật lửa gas màu xanh liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về các vấn đề khác: Đối với đối tượng tên Cún và người bán ma túy cho C, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s (thêm điểm n đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà M) khoản 1, (thêm khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Viết K) Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn C, Nguyễn Viết K, Trần Đình H, Nguyễn Thị Trà M đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn C 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Viết K 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Trà M 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà M để đảm bảo việc thi hành án. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp giấy dán kín các mép, bên trong có chứa các mẫu KT01, KT02, KT03 hoàn lại sau khi xử lý giám định được niêm phong lại, dấu niêm phong số: 1341MT/PC09 và chữ ký của những người có liên quan; 01 bật lửa gas màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận A, Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Vũ Văn C, Nguyễn Viết K, Trần Đình H, Nguyễn Thị Trà M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

- *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận A;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT CATP Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10 CATP Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận A;
- Trại giam Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh

